

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 19

Tổ :

Trang 1/1

Mã nhận dạng 01000

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ năng giao tiếp - 19-202620

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14113303	THÁI THỊ	BÍCH	DH14NHNT	Bích	1	9	7	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14113304	HỒ ĐÌNH	CÁNH	DH14NHNT	Cánh	1	9	7	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14113305	NGUYỄN THỊ	KIỀU	DH14NHNT	Kieu	1	8	8	8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14113308	DƯƠNG NGỌC	PHƯƠNG	DH14NHNT	Ngoc	1	9	8	8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14113309	LÊ THỊ BÍCH	TRÂM	DH14NHNT	Tram	1	8	5	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14113310	NGUYỄN KHẮC	TRIỀU	DH14NHNT	Trieu	1	9	8	8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14113312	NGUYỄN CHÍ	TRƯỜNG	DH14NHNT	Truong	1	9	8	8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14113313	NGUYỄN CẨM	TÚ	DH14NHNT	Cam	1	8	6	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14113425	NGUYỄN KIM	CƠ	DH14NHNT	Kim	1	8	5	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14113426	HỒ CHÍ	CƯỜNG	DH14NHNT	Hong	1	9	5	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14113429	NGUYỄN QUỐC	DUY	DH14NHNT	Duc	1	8	7	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14113430	TRẦN NGUYỄN	ĐẠT	DH14NHNT	Dat	1	8	5	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14113431	PHÚ VĂN	DIỆN	DH14NHNT	Phu	1	8	5	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14113433	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	DH14NHNT		-	-	-	-	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14113436	TRỊNH THỂ	HOÀN	DH14NHNT	Trinh	1	9	6	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14113437	LÊ PHAN THANH	HOÀI	DH14NHNT	Phu	1	8	7	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14113438	NGUYỄN QUANG	HUY	DH14NHNT	Huy	1	9	9	9,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14113439	VÕ AN	HUY	DH14NHNT	Huy	1	9	8	8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ năng giao tiếp - 19-202620

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14113442	ĐÀNG NĂNG HOÀI	LINH	DH14NHNT	1	9	9	9	9	9	9
20	14113443	TRẦN ĐÌNH	LONG	DH14NHNT	Long	1	9	5	6,2	6	2
21	14113444	NGÔ THÀNH	LUÂN	DH14NHNT	Luân	1	8	7	7,3	7	3
22	14113445	QUẢNG THÀNH	LUÂN	DH14NHNT	Thuan	1	8	8	8,0	8	0
23	14113446	NGUYỄN THỊ KIM	MIN	DH14NHNT	Kim	2	8	6	6,6	6	6
24	14113447	NGUYỄN THỊ	MỸ	DH14NHNT	Thi	1	8	6	6,6	6	6
25	14113449	LÊ HỮU	NHIỆM	DH14NHNT	Huu	1	9	7	7,6	7	6
26	14113450	TRẦN VĂN	PHÁT	DH14NHNT	Phat	1	9	6	6,9	6	9
27	14113451	TRẦN VĂN	PHONG	DH14NHNT	Phong	1	9	7	7,6	7	6
28	14113452	NGUYỄN ĐẮC	PHÚ	DH14NHNT	Phu	1	9	6	6,9	6	9
29	14113453	LÊ CÔNG	PHÚC	DH14NHNT	Phu	1	8	8	8,0	8	0
30	14113454	BÙI VĂN	PHỤNG	DH14NHNT	Phu	1	8	8	8,0	8	0
31	14113455	NGUYỄN THỊ THÙY	PHƯƠNG	DH14NHNT	Thuy	1	8	8	8,0	8	0
32	14113456	NGUYỄN THIÊN	PHƯỚC	DH14NHNT	Phu	1	9	7	7,6	7	6
33	14113457	PHAN NHƯ NHẬT	QUYÊN	DH14NHNT	Quy	1	8	5	6,1	6	1
34	14113459	NGUYỄN HỮU	SOÀI	DH14NHNT	Huu	1	8	3	4,5	4	5
35	14113460	TRẦN THỊ THANH	TÂM	DH14NHNT	Tran	1	8	9	8,7	8	7
36	14113461	NGUYỄN VŨ HƯNG	THỐNG	DH14NHNT	Thong	1	9	6	6,9	6	9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ năng giao tiếp - 19-202620

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14113462	QUẢNG ĐẠI	THU	DH14NHNT	<i>[Signature]</i>	1	8	8	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14113465	VÕ THỊ KIM	TRÂM	DH14NHNT	<i>[Signature]</i>	1	8	8	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14113466	NGUYỄN NGÔ XUÂN	TRÌNH	DH14NHNT	<i>[Signature]</i>	1	8	7	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14113467	ĐÀN TRUNG	TUYÊN	DH14NHNT	<i>[Signature]</i>	1	8	4	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14113468	ĐỖ THỊ CẨM	TÚ	DH14NHNT	<i>[Signature]</i>	1	8	7	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14113469	VÕ VĂN	TÚ	DH14NHNT	<i>[Signature]</i>	1	8	7	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14113470	NGUYỄN	VƯƠNG	DH14NHNT	<i>[Signature]</i>	1	8	7	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14113471	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	DH14NHNT	<i>[Signature]</i>	1	8	9	8,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14113473	PHAN THỊ MỸ	YẾN	DH14NHNT	<i>[Signature]</i>	1	8	7	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	14113482	NGUYỄN THANH	TRÍ	DH14NHNT	<i>[Signature]</i>	1	8	8	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 02 Hiện diện: 44

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Nguyễn Anh Hoa Vương Văn

[Signature]
Nguyễn Thị Trang

[Signature]
Trần Thị Xuyên